

Số: 128/QĐ-LHH

Hải Dương, ngày 27 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán NSNN năm 2024
của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hải Dương

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 3191/TB-STC ngày 20/5/2025 của Sở Tài chính xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Văn phòng Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2024 của Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Hải Dương (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, trưởng các ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực LHH;
- Trưởng các ban chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thông

Đơn vị: Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Hải Dương
Chương: 516

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-LHH ngày 27/5/2025
của Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Hải Dương)*

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	4.168.766.000	4.168.766.000	0
1	Chi quản lý hành chính	3.225.409.000	3.225.409.000	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.225.409.000	3.225.409.000	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	943.357.000	943.357.000	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	943.357.000	943.357.000	0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và GD	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0

6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0